

Số: 28 /TB - MNTM

Phúc Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai kết quả chất lượng giáo dục học kỳ I Năm học 2023-2024

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch số 175/KH-MNTM ngày 06/09/2023 của trường mầm non Tân Mai về việc thực hiện kế hoạch công khai năm học 2023-2024

Trường mầm non Tân Mai thông báo về việc niêm yết công khai kết quả học kỳ I năm học 2023 - 2024 như sau:

- Địa điểm niêm yết: Bảng tin phòng Hành chính trường mầm non Tân Mai.

- Nội dung công khai: Kết quả chất lượng giáo dục cuối học kỳ I năm học 2023 - 2024

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/01/2024 đến hết ngày 08/03/2024

- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai

- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.37170748

- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:

- Ban công khai / để thực hiện;
- CBGVNV
- Lưu: VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bích Ngọc

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non học kỳ I
Năm học 2023 - 2024**

TT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	+ Cân nặng: - Kênh BT 47/ 47 = 100 % - Kênh SDD: 0/47= 0% - Cao hơn so với tuổi: 0/47=0% + Chiều cao: - Kênh BT 46/47= 98% - Kênh Thấp còi: 1/ 47=2%	+ Cân nặng: - Kênh BT 259 / 273= 95 % - Kênh SDD: 1/ 273= 0% - Cao hơn so với tuổi: 13/ 273= 5% + Chiều cao: - Kênh BT 271/273= 99 %; - Kênh Thấp còi: 2/ 273= 1%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình GDMN theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 24/01/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình GDMN	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình GDMN theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 24/01/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- PTTC: 95,7 - PTNT: 94 - PTNN: 94 - PTTCXH: 96	- PTTC: 98,5 - PTNT: 97 - PTNN: 98 - PTTCXH: 98,8 - PTTM: 98
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục	- Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ.	

	mầm non	- Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng Wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.
--	---------	--

Phúc Đồng, ngày 25 tháng 4 năm 2024



Nguyễn Bích Ngọc

1/2
JNG
NOI
MA

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non học kỳ I
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	320			47	79	100	94
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	320			47	79	100	94
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	320						
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	320			47	79	100	94
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	320			47	79	100	94
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	320						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	306						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1						
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	317						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3						
5	Số trẻ thừa cân béo phì	13						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	47			47			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	273				79	100	94

Phúc Đồng, ngày 15 tháng 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bích Ngọc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non học kỳ I
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	3.6
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.617	1.617
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	500	500
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	110	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	110	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	15	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	32	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	110	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	110	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	110	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	01/01	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	09	09/09
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	04	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	37	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0	Số thiết bị/nhóm (lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3 (10 m ²)		9 (15m ²)		0.7
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/ TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XIV	Kết nối internet	Có	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	Có	
XVI	Tường rào xây	Có	

Phúc Đồng, ngày 28 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bích Ngọc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023- 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	TnS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	K Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	01	17	5	5	2	13	7	0	0	20	0	0
I	Giáo viên														
1	Nhà trẻ	4			1	2	1		1	3		0	4		
2	Mẫu giáo	13			13	0	0		0	13		0	13		
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2	0	0
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân nuôi dưỡng	6				3	3								
6	Nhân viên bảo vệ	2						2							

Phúc Đồng, ngày 25 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Bích Ngọc